

Giải vở bài tập Toán lớp 5 tập 1 trang 40 - Bài 1

Viết các phân số sau theo thứ tự từ lớn đến bé

a) $\frac{9}{25}; \frac{12}{25}; \frac{7}{25}; \frac{4}{25}; \frac{23}{25}$

b) $\frac{7}{8}; \frac{7}{11}; \frac{7}{10}; \frac{7}{9}; \frac{7}{15}$

c) $\frac{2}{3}; \frac{5}{6}; \frac{7}{9}; \frac{5}{18}$

Phương pháp giải

So sánh các phân số đã cho rồi sắp xếp theo thứ tự từ lớn đến bé theo các quy tắc:

- Trong hai phân số có cùng mẫu số, phân số nào có tử số lớn hơn thì lớn hơn.
- Trong hai phân số có cùng tử số, phân số nào có mẫu số lớn hơn thì nhỏ hơn.
- Muốn so sánh các phân số khác mẫu số ta quy đồng mẫu số các phân số rồi so sánh phân số sau khi quy đồng.

Đáp án và hướng dẫn giải

a) Ta có: $\frac{23}{25} > \frac{12}{25} > \frac{9}{25} > \frac{7}{25} > \frac{4}{25}$

Vậy các phân số viết theo thứ tự từ lớn đến bé là:

$$\frac{23}{25}; \frac{12}{25}; \frac{9}{25}; \frac{7}{25}; \frac{4}{25}$$

b) Ta có: $\frac{7}{8} > \frac{7}{9} > \frac{7}{10} > \frac{7}{11} > \frac{7}{15}$

Vậy các phân số viết theo thứ tự từ lớn đến bé là:

$$\frac{7}{8}; \frac{7}{9}; \frac{7}{10}; \frac{7}{11}; \frac{7}{15}$$

c) Quy đồng mẫu số (MSC = 18):

$$\frac{2}{3} = \frac{12}{18};$$

$$\frac{7}{9} = \frac{14}{18};$$

$$\frac{5}{6} = \frac{15}{18};$$

Giữ nguyên phân số $\frac{5}{18}$

Ta có: $\frac{15}{18} > \frac{14}{18} > \frac{12}{18} > \frac{5}{18}$

Do đó: $\frac{2}{3}; \frac{7}{9}; \frac{5}{18}$

Vậy các phân số viết theo thứ tự từ lớn đến bé là:

$$\frac{5}{6}; \frac{7}{9}; \frac{2}{3}; \frac{5}{18}$$

Giải vở bài tập Toán lớp 5 tập 1 trang 40 - Bài 2

a) $\frac{1}{4} + \frac{3}{8} + \frac{5}{16} = \dots\dots\dots$

b) $\frac{3}{5} - \frac{1}{3} - \frac{1}{6} = \dots\dots\dots$

c) $\frac{4}{7} \times \frac{5}{8} \times \frac{7}{12} = \dots\dots\dots$

d) $\frac{25}{28} : \frac{15}{14} \times \frac{6}{7} = \dots\dots\dots$

Phương pháp giải

Biểu thức chỉ có phép cộng và phép trừ, hoặc phép nhân và phép chia thì ta tính lần lượt từ trái sang phải.

Đáp án và hướng dẫn giải

a) $\frac{1}{4} + \frac{3}{8} + \frac{5}{16} = \frac{4}{16} + \frac{6}{16} + \frac{5}{16} = \frac{4+6+5}{16} = \frac{15}{16}$

b) $\frac{3}{5} - \frac{1}{3} - \frac{1}{6} = \frac{18}{30} - \frac{10}{30} - \frac{5}{30} = \frac{18-10-5}{30} = \frac{1}{10}$

c) $\frac{4}{7} \times \frac{5}{8} \times \frac{7}{12} = \frac{4 \times 5 \times 7}{7 \times 8 \times 12} = \frac{4 \times 5 \times 7}{7 \times 4 \times 2 \times 12} = \frac{5}{12 \times 2} = \frac{5}{24}$

d) $\frac{25}{28} : \frac{15}{14} \times \frac{6}{7} = \frac{25}{28} \times \frac{14}{15} \times \frac{6}{7} = \frac{25 \times 14 \times 6}{28 \times 15 \times 7} = \frac{5 \times 5 \times 14 \times 2 \times 3}{14 \times 2 \times 5 \times 3 \times 7} = \frac{5}{7}$

Giải vở bài tập Toán lớp 5 tập 1 trang 41 - Bài 3

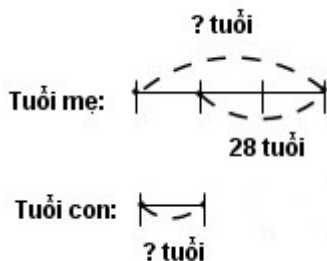
Năm nay tuổi mẹ gấp 3 lần tuổi con. Tính tuổi của mỗi người, biết mẹ hơn con 28 tuổi.

Phương pháp giải

Tìm tuổi của mỗi người theo bài toán tìm hai số khi biết hiệu và tỉ số của hai số đó

Đáp án và hướng dẫn giải

Tóm tắt:



Bài giải

Hiệu số phần bằng nhau:

$$3 - 1 = 2 \text{ (phần)}$$

Tuổi con là:

$$28 : 2 \times 1 = 14 \text{ (tuổi)}$$

Tuổi mẹ là:

$$14 \times 3 = 42 \text{ (tuổi)}$$

Đáp số: Mẹ 42 tuổi, con 14 tuổi

Giải vở bài tập Toán lớp 5 tập 1 trang 41 - Bài 4

Biết rằng $\frac{3}{5}$ diện tích trồng nhãn của một xã là 6ha. Hỏi diện tích trồng nhãn của xã đó bằng bao nhiêu mét vuông?

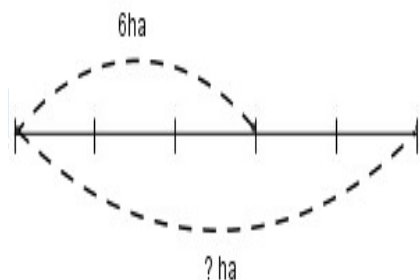
Phương pháp giải

- Để tính diện tích trồng nhãn ta lấy 6ha chia cho $\frac{3}{5}$ hoặc lấy 6ha chia cho 3 rồi nhân với 5. .

- Đổi 5ha sang đơn vị đo là mét vuông. Lưu ý rằng: $1\text{ha} = 10000\text{m}^2$.

Đáp án và hướng dẫn giải

Cách 1:



Diện tích trồng nhãn của xã đó là:

$$6 : \frac{3}{5} = 10(\text{ha}) = 100000 (\text{m}^2)$$

Cách 2:

Coi 6 ha tương ứng bằng 3 đoạn thẳng dài như nhau thì mỗi đoạn thẳng tương ứng:

$$6 : 3 = 2 (\text{ha})$$

Diện tích trồng nhãn của xã tương ứng bằng 5 đoạn thẳng và bằng:

$$2 \times 5 = 10 (\text{ha}) = 100\,000 (\text{m}^2)$$

Đáp số: $100\,000\text{m}^2$